

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Số: 1228 /QĐ/BNN-ĐD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày 02 tháng 6 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành “Định mức dự toán công tác duy tu bảo dưỡng đê điều”

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

- Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 86/CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng;
- Căn cứ văn bản số 836/BXD-KTTC ngày 16 tháng 05 năm 2005 của Bộ Xây dựng về việc thỏa thuận định mức xây dựng cơ bản công tác duy tu bảo dưỡng đê điều.
- Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đê điều và Phòng chống lụt bão.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này tập “ Định mức dự toán công tác duy tu bảo dưỡng đê điều”.

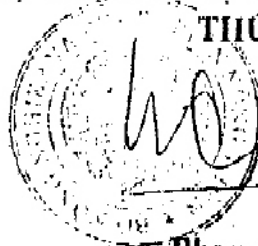
Điều 2: Tập định mức dự toán này là căn cứ để lập đơn giá, dự toán trong công tác duy tu bảo dưỡng đê điều.

Điều 3: Tập định mức này có hiệu lực áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2005. Các ông Chánh văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc các sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Trong quá trình thực hiện, các đơn vị tổ chức theo dõi tổng kết báo cáo Bộ làm căn cứ nghiên cứu hoàn chỉnh để áp dụng tiếp cho các năm sau.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Nơi nhận:

- Như điều 3.
- Văn phòng CP (b. cáo).
- Công báo.
- Bộ XD, TC.
- Kho bạc NN.
- Lưu VP.



THỨ TRƯỞNG

Phạm Hồng Giang

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

012000420000

ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN

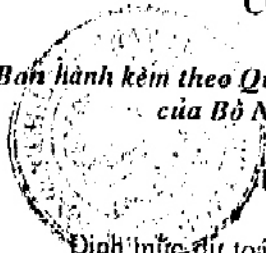
CÔNG TÁC DUY TU BẢO DƯỠNG ĐÊ ĐIỀU

(Ban hành kèm theo QĐ số: 1228/QĐ-BNN-ĐĐ ngày 02 tháng 06 năm 2005
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

HÀ NỘI – 2005

ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN CÔNG TÁC DUY TU BẢO DƯỠNG ĐỀ ĐIỀU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1228/QĐ/BNN-ĐĐ ngày 02 / 6 / 2005
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



THUYẾT MINH VÀ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG

Định mức dự toán công tác duy tu bảo dưỡng đề điều là định mức Kinh tế - Kỹ thuật quy định mức hao phí cần thiết về vật liệu, nhân công và máy thi công để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác xây lắp từ khâu chuẩn bị đến khâu kết thúc theo đúng yêu cầu kỹ thuật quy định và phù hợp với đặc điểm, tính chất riêng biệt của công tác duy tu bảo dưỡng đề điều.

Căn cứ để lập định mức dự toán công tác duy tu bảo dưỡng đề điều là dựa vào các quy trình, quy phạm kỹ thuật về thiết kế thi công, tình hình tổ chức lực lượng lao động, trang thiết bị ở các đơn vị và tính đặc thù của ngành, kết hợp vận dụng một số định mức hiện hành của Nhà nước.

I. KẾT CẤU BỘ ĐỊNH MỨC

Tập định mức dự toán công tác duy tu bảo dưỡng đề điều được trình bày theo nhóm loại công tác hoặc kết cấu xây lắp và được mã hoá gồm 4 số theo hệ thống số như sau:

- Số thứ nhất chỉ số thứ tự phần trong bộ định mức.
- Số thứ hai chỉ số thứ tự trong từng phần bộ định mức.
- Số tiếp theo chỉ định mức cho công việc cụ thể.

II. NỘI DUNG ĐỊNH MỨC

1/ Mức hao phí vật liệu:

Là mức hao phí vật liệu trực tiếp cần thiết cho việc thực hiện và hoàn thành khối lượng công tác xây lắp (không kể vật liệu phụ cần dùng cho máy móc, phương tiện vận chuyển và những vật liệu chỉ trong khoản chi phí chung). Bao gồm cả hao hụt vật liệu trong khâu thi công theo quy định hiện hành.

2/ Mức hao phí lao động:

Là số ngày công lao động trực tiếp tương ứng với cấp bậc công việc quy định để hoàn thành khối lượng công tác xây lắp, trong mức đã bao gồm công của lao động chính thực hiện công tác xây lắp và công của lao động phục vụ xây lắp (vận chuyển bốc dỡ vật liệu, bán thành phẩm ... trong phạm vi mặt bằng xây lắp).

Mức lao động đã tính đến cho việc vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m-50m ở điều kiện bình thường.

3/ Mức hao phí máy thi công:

Là số ca sử dụng máy thi công trực tiếp công việc xây lắp, mức hao phí máy thi công khác tính bằng tỷ lệ % trên chi phí sử dụng máy chính.

III. QUY ĐỊNH ÁP DỤNG

1/ Định mức dự toán công tác duy tu bảo dưỡng đê điều là căn cứ để lập đơn giá, dự toán.

2/ Do tính đặc thù của công tác duy tu bảo dưỡng đê điều nên ngoài việc sử dụng lao động là công nhân chuyên nghiệp còn sử dụng lực lượng lao động nông nhân (theo Quy định của Chính phủ tại văn bản số 889/CP-NN ngày 29/9/2000) nhưng chỉ sử dụng lao động nông nhân cho những loại công việc kỹ thuật đơn giản mà yêu cầu cấp bậc thợ nhỏ hơn 2/7. Khi sử dụng lao động nông nhân thì đơn giá ngày công lao động thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

3/ Đối với công trình đê kè ven sông, biển trong quá trình thi công chịu ảnh hưởng trực tiếp của thủy triều (có mức nước thủy triều giao động $\geq 1,2\text{m}$) thì định mức nhân công của những phần việc bị ảnh hưởng được nhân hệ số điều chỉnh $K = 1,1$.

**ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN
CÔNG TÁC DUY TU BẢO DƯỠNG ĐÊ ĐIỀU**

10.00.00. TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÁC LOẠI CÂY CHẤM SÓNG BẢO VỆ ĐÊ.

10.10.00. TRỒNG CỎ VETTIVER BẢO VỆ ĐÊ.

+ *Yêu cầu kỹ thuật*

Trồng cỏ theo khóm, mỗi khóm 3 nhúnh, với mật độ 16 khóm/m² (hàng cách hàng 25 cm).

+ *Thành phần công việc*

- Chuẩn bị, vận chuyển dụng cụ đến nơi làm việc.
- Đào hố trồng cỏ.
- Vận chuyển cỏ trong phạm vi 50 m.
- Trồng cỏ, bón phân, và tưới nước cho cỏ.
- Chăm sóc bảo vệ cỏ cho đến khi nghiệm thu (2 tháng).

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đơn vị tính: 1m ²
				Định mức (16 khóm /m ²)
10.10.00	Trồng cỏ Vetiver bảo vệ đê	<i>Vật liệu</i>		
		Cỏ giống	khóm	16,16
		Phân vi sinh	kg	0,07
		Nước tưới	m ³	0,05
		<i>Nhân công</i> 1,5/7	công	0,143
		Vận chuyển tiếp 10m	công	0,0012

Ghi chú: Nếu trồng cỏ trên đất bạc màu hoặc chua mà cần bổ sung đất màu thì công đào, vận chuyển và đắp đất màu được tính riêng theo quy định hiện hành.

10.20.00. TRỒNG TRE CHẮN SÓNG BẢO VỆ ĐÊ

10.21.00. TRỒNG TRE CHẮN SÓNG BẢO VỆ ĐÊ (loại tre thường và tre Đài Loan)

+ Yêu cầu kỹ thuật

Trồng tre dọc chân đê phía sông. Thường trồng tre từ tháng 1 nghiệm thu vào sau mùa lũ tháng 10 hàng năm. Tre trồng theo yêu cầu thiết kế, giống tre tươi, bánh tẻ có đường kính từ 6 - 10cm, gốc tre dài 1,2 - 1,4m, đầu tre không bị dập (tre trang đôi gồm 2 gốc trong 1 cụm, tre trang đơn gồm 1 gốc trong 1 cụm).

+ Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển dụng cụ đến nơi làm việc.
- Đào hố: nếu trồng tre thường kích thước hố (0,5x0,5x0,5)m ; Nếu trồng tre Đài Loan kích thước hố (0,4x0,4x0,4)m .
- Đào, đắp bùn rom lên đầu móng tre.
- Lót lớp bùn dưới đáy hố dày 15cm.
- Trồng tre, vun đắp gốc, tưới nước, nếu trồng tre Đài Loan bón phân theo yêu cầu kỹ thuật.
- Chăm sóc bảo vệ tre cho đến khi nghiệm thu (8 tháng nếu trồng tre thường và 9 tháng nếu trồng tre Đài Loan).

Đơn vị tính: 1 cụm

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Tre thường (trang đôi, trang đơn)	Tre Đài Loan
10.21.	Trồng tre chắn sóng bảo vệ đê (tre thường và tre Đài Loan)	<i>Vật liệu</i>			
		Giống	mống	1,01	1,01
		Rom	kg	0,0005	
		Nước tưới	m ³	0,027	0,0414
		Phân hữu cơ	kg		6,0
		<i>Nhân công 1,517</i>	công	0,225	0,301
				10	20

10.22.00. TRỒNG DẠM TRE CHẮN SÓNG BẢO VỆ ĐÊ

Đơn vị tính: 1 cụm

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Tre thường (trang đôi, trang đơn)	Tre Đài Loan
10.22.	Trồng dặm tre chắn sóng bảo vệ đê	<i>Vật liệu</i>			
		Giống	mống	1,01	1,01
		Rom	kg	0,0005	
		Nước tưới	m ³	0,027	0,0414
		Phân hữu cơ	kg		6,0
		<i>Nhân công 1,517</i>	công	0,293	0,390
				10	20

Ghi chú: Trồng dặm lại tre với lượng tre chết ≤ 20 %, nếu chết lớn hơn thì coi như trồng mới.

10.23.00. TRỒNG CÂY ĐIỀN THANH CHÁN SÓNG BẢO VỆ ĐÊ

+ Thành phần công việc

- Chuẩn bị, vận chuyển dụng cụ đến nơi làm việc.
- Làm đất, xăm nhỏ đất và san theo lớp đất dày 10-15 cm.
- Nhặt sạch rác, cỏ lẫn trong đất bỏ ra ngoài.
- Vận chuyển rác trong phạm vi 50m.
- Gieo hạt, tưới nước, chăm sóc cây lớn.

Đơn vị tính: 100 m ²				
Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
10.23.00	Trồng cây chắn sóng bảo vệ đê	Vật liệu		
		Giống	kg	2,02
		Nước tưới	m ³	2,16
		Nhân công 1,5/7	công	9,14

10.24.00. LÀM HÀNG RÀO BẰNG CỘT BÊ TÔNG, CỘT TRE QUẤN DÂY THÉP GAI BẢO VỆ CỎ, TRE

+ Thành phần công việc

- Chuẩn bị, vận chuyển dụng cụ đến nơi làm việc.
- Dựng cột, chôn cột sâu 0,5 m.
- Trãi dây thép gai lẫn đôi ϕ 2,5 mm.
- Cố định dây thép vào móc thép ϕ 6 (chôn sẵn trong cột bê tông).
- Quấn dây thép vào cột (đối với cột tre), 2 lần dây cách nhau 0,50 m (trên, dưới cột).
- Khoảng cách giữa các cột là 5m.

Đơn vị tính: 10m hàng rào					
Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cột bê tông	Cột tre
10.24.	Làm hàng rào bằng cột bê tông, cột tre, quấn dây thép gai bảo vệ cỏ, tre	Vật liệu			
		Cột bê tông cốt thép M150 (0,1x0,1x1,5)m	cột	3,012	
		Cột tre dài 1,5m có đường kính (6 - 8)cm	cột		3,05
		Dây thép gai ϕ 2,5 mm	m	20,4	22,0
		Nhân công 1,5/7	công	0,333	0,333
				10	20

10.30.00. CÔNG TÁC ĐẬP BAO TẢI ĐẤT, CÁT TẠO MÁI BẢO VỆ ĐỀ.

+ Thành phần công việc.

- Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu.
- Xác định vị trí đắp bao tải đất, cát.
- Xúc đất đổ vào bao tải (khoảng 70% bao).
- Vận chuyển trong phạm vi 30m.
- Đắp bao tải đất, cát xuống đúng vị trí quy định.
- Thu dọn hiện trường sau khi thi công.

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị tính: 1 m ³	
			Đơn vị	Số lượng
10.30.00	Đắp bao tải đất, cát tạo mái	Vật liệu		
		Bao tải dứa loại PP (1mx0,6m)	cái	32,3
		Dây buộc ni lon	kg	0,01
		Nhân công 1,5/7	công	1,52
		Vận chuyển tiếp 10m	công	0,046

10.40.00. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CỐNG DƯỚI ĐỀ

+ Thành phần công việc

- Chuẩn bị dụng cụ phương tiện mặt bằng thi công.
- Bơm rửa vệ sinh cống.
- Bơm nước rò rỉ, duy trì cạn trong quá trình kiểm tra.
- Đo lại mặt cắt ngang, dọc cống.
- Đo lại cao trình đáy, đỉnh cống.
- Vẽ lại hiện trạng cống.
- Đánh giá chất lượng cống.
- Thu dọn nơi làm việc.

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đơn vị tính: 1 cống		
				Số lượng		
				1 cửa	2 cửa	> 2 cửa
10.40.	Kiểm tra đánh giá chất lượng cống dưới đề	Vật liệu				
		Bút vẽ (vẽ 3m/c)	chiếc	0,8	1,0	1,3
		Giấy A0	2	2	2	2
		Thước dây (đo 4 cống)	chiếc	0,2	0,25	0,3
		Vật liệu khác	%	5,0	5,0	5,0
		Nhân công 3/7	công	3,6	4,5	5,6
		Máy thi công				
		- Máy bơm bằng động cơ xăng 7 CV	ca	0,5	0,7	1,0
				10	20	30

Ghi chú: Định mức số ca bơm nước trên chỉ tính cho bơm để duy trì cạn trong quá trình khám cống (bơm nước rò rỉ).

10.50.00. CÔNG TÁC SẢN XUẤT TẤM BÊ TÔNG LÁT MÁI ĐÊ

(Kích thước: 0,5 x 0,6 x 0,08, loại ở giữa có trống cò).

+ Thành phần công việc

- Chuẩn bị vật liệu, dụng cụ, phương tiện, mặt bằng thi công.
- Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 100m.
- Sàng rửa cát đá sỏi, lựa chọn phân loại.
- Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn móc thi công.
- Trộn, đổ, đầm và bảo dưỡng bê tông đúng yêu cầu kỹ thuật.
- Kiểm tra và sắp xếp các tấm bê tông vào vị trí quy định trong phạm vi 100m.
- Thu dọn hiện trường sau khi thi công.

Đơn vị tính: 1 tấm

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
10.50.00	Sản xuất tấm bê tông lát mái đê (loại ở giữa có trống cò) (0,5x0,6x0,08)m	<i>Vật liệu</i> Vữa bê tông Vật liệu khác <i>Nhân công 3,5/7</i> <i>Máy thi công</i> Máy trộn 250 L Máy đầm dùi 1,5 KW	m ³ % công ca ca	0,022736 1,0 0,09072 0,00112 0,00112

Ghi chú: Thép trong bê tông theo yêu cầu thiết kế.**10.60.00. CÔNG TÁC LẮP DỰNG TẤM BÊ TÔNG LÁT MÁI ĐÊ**

(loại ở giữa có trống cò)

+ Thành phần công việc

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện, mặt bằng thi công.
- Vận chuyển các tấm bê tông đến vị trí lắp ghép trong phạm vi 100m.
- Dãy cò, sửa phẳng mái đê.
- Lắp ghép các tấm bê tông, chèn vữa xi măng M100, lát mái đúng yêu cầu kỹ thuật.
- Thu dọn hiện trường sau khi thi công.

Đơn vị tính: 100 tấm

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
10.60.00	Lắp dựng các tấm bê tông lát mái đê (loại ở giữa có trống cò)	<i>Vật liệu</i> Tấm bê tông Vữa xi măng M100 <i>Nhân công 3,5/7</i>	tấm m ³ công	101 0,165 15,25

10.70.00. SẢN XUẤT, LẮP DỰNG VÁN KHUÔN KIM LOẠI CHO CÔNG TÁC ĐỔ BÊ TÔNG CỨNG HOÁ MẶT ĐỀ

+ Yêu cầu kỹ thuật

Ván khuôn cho công tác đổ bê tông cứng hoá mặt đề phải bảo đảm chịu được trọng lượng bê tông, áp lực đầm trong quá trình đổ bê tông, đảm bảo vững chắc, kín, không biến hình và mất nước xi măng.

+ Thành phần công việc.

- Chuẩn bị vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m.
- Sản xuất, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn theo đúng yêu cầu kỹ thuật.
- Thu dọn hiện trường sau khi thi công.

Đơn vị: 1m²

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
10.70.00	Sản xuất, lắp dựng ván khuôn kim loại đổ bê tông cứng hoá mặt đề	<i>Vật liệu</i>		
		Tôn 3ly (1,1m x 23,55kg/m ²)	kg	0,13
		Thép góc L35 x 35	kg	0,120
		Lắp là 5x40	kg	0,010
		Thép tròn làm ghim Φ10 (5,1m)	kg	0,016
		Que hàn	kg	0,0153
		Vật liệu khác	%	5,0
		<i>Nhân công 4/7</i>	công	0,211
		<i>Máy thi công</i>		
		Máy hàn điện 23KW	ca	0,0031
		Máy khác	%	15,0

10.80.00. CÔNG TÁC SƠ HOẠ DIỄN BIẾN LÒNG SÔNG

+ Thành phần công việc

- Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu gồm: Bản đồ dùng trong sơ họa theo quy định, máy móc thiết bị cần thiết, bàn gỗ vẽ ngoài trời, thước đo độ, đo góc, thước cuộn hoặc thước dây, cọc tiêu dùng ngắm tuyến thẳng, các cọc mốc.
- Xác định mực nước cần đo.
- Xác định cao trình mực nước chuẩn để vẽ sơ họa.
- Quan trắc ngoài thực địa (quan trắc đo đạc và vẽ sơ họa các bãi bồi ven bờ, quan trắc đo đạc và vẽ sơ họa các bãi bồi giữa sông; quan trắc đo đạc và vẽ sơ họa vùng bờ đang bị xói lở; quan trắc đo đạc và vẽ sơ họa dòng chủ lưu).
- Chôn cọc mốc.
- Chính lý tài liệu và vẽ sơ họa lên bản đồ gốc.
- Viết báo cáo.

Đơn vị tính: 1 mặt cắt

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Công tác sơ họa diễn biến lòng sông		
				Đề cấp đặc biệt và cấp I	Đề cấp II	Đề cấp III
10.80.	Công tác sơ họa diễn biến lòng sông	Vật liệu				
		Thước dây (độ 4 m/c)	chiếc	0,25	0,225	0,20
		Tre làm cọc	cây	0,50	0,45	0,40
		Bút vẽ 3 mẫu (tính vẽ được 3m/c)	chiếc	1,00	0,90	0,80
		Giấy vẽ A0	tờ	2	2	2
		Vật liệu khác	%	5,0	5,0	5,0
		Nhân công 3/7	công	8,51	6,8	4,25
		Máy thi công				
		- Thuê thuyền	ca	1,0	0,7	0,4
		Chi phí khác	%	10	10	10
			10	20	30	

10.90.00. PHÁT QUANG MÁI ĐÈ

+ Thành phần công việc

- Chuẩn bị, vận chuyển dụng cụ đến nơi làm việc.
- Chặt nhỏ gốc cây, cỏ dại mọc trên mái dè, thân dè và chân dè.
- Gom cỏ dại, thân cây dại đến vị trí quy định (cụ ly gom bình quân 50m).
- Đào bỏ gốc cây thân gỗ.
- San lấp lại hố đào mái dè đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.
- Thu dọn hiện trường sau khi thi công.

Đơn vị tính : công/100 m²

Mã hiệu	Thành phần công việc	Số lượng
10.91.00	Phát quang mái dè có mật độ cây, cỏ dại, dây leo... ≤ 70% diện tích. Thỉnh thoảng xen lẫn cây cao < 1m, cây con có đường kính < 5cm. <i>Nhân công: 1,5/7</i>	1,323
10.92.00	Phát quang mái dè có mật độ cây, cỏ dại, dây leo... ≤ 70 % diện tích, cây cao hơn 1m. Thỉnh thoảng xen lẫn cây con có đường kính = 5cm và một vài bụi dứa. <i>Nhân công: 1,5/7</i>	1,978
10.93.00	Phát quang mái dè có mật độ cây, cỏ dại, dây leo... ≥ 70 % diện tích, cây cao hơn 1m. Thỉnh thoảng xen lẫn cây con có đường kính ≥ 5cm, có nhiều bụi dứa. <i>Nhân công 1,5/7</i>	2,536

11.10.00. TRỒNG DÂM CỎ MÁI ĐÈ

+ Yêu cầu kỹ thuật

Cỏ trồng theo mật cáo, khoảng cách giữa các văng cỏ không quá 15 cm.

+ Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển dụng cụ đến nơi làm việc.
- Cước cỏ thành văng dày 6-8 cm.
- Vận chuyển cỏ trong phạm vi 50 m.
- Làm cọc ghim, đóng ghim.
- Trồng lại cỏ tại nơi cỏ bị chết, cỏ mọc thưa, tưới nước.
- Thu dọn hiện trường sau khi thi công.

Đơn vị tính : 100 m²

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
11.10.00	Trồng dâm cỏ mái dè	<i>Nhân công: 1,5/7</i> Vận chuyển tiếp 10 m	công công	11,68 0,125

12.10.00. SẢN XUẤT CỘT BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐỂ LÀM HÀNG RÀO BẢO VỆ CỎ, TRE

+ Thành phần công việc

- Chuẩn bị, vận chuyển dụng cụ đến nơi làm việc.
- Sàng cát, rửa sỏi đá.
- Chặt, uốn, buộc cốt thép.
- Sản xuất tháo dỡ ván khuôn.
- Trộn, đầm, bảo dưỡng bê tông.
- Xếp cột vào vị trí quy định.
- Thu dọn hiện trường sau khi thi công.

Đơn vị tính: 1 cột

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
12.10.00	Sản xuất cột bê tông cốt thép (0,1x0,1x1,5)	<i>Vật liệu</i>		
		Xi măng	Kg	4,507
		Cát vàng	m ³	0,0072
		Đá dăm	m ³	0,0134
		Thép tròn 6 mm	Kg	2,04
		Dây thép buộc	Kg	0,029
		Đinh 6 cm	Kg	0,032
		Gỗ ván khuôn	m ³	0,00027
		Vật liệu khác	%	1,0
		<i>Nhân công</i> 3,0/7	công	0,148

Ghi chú: Vữa bê tông đúc cột loại M150

13.10.00. CÔNG TÁC SAN LẤP Ổ GÀ, RÃNH NƯỚC MẶT ĐÈ BẰNG ĐẤT CẤP PHỐI TỰ NHIÊN

+ Yêu cầu kỹ thuật

- Trước khi rải đất san lấp phải băm nhám ổ gà, rãnh nước.
- Đầm, lèn không được phá vỡ kết cấu hay biến dạng bề, không làm thay đổi cao trình mặt bề. Sau khi đầm, lèn phải đảm bảo mặt bề phẳng nhẵn không có vết nứt, lồi lõm, hoặc tạo gờ.

+ Thành phần công việc

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện, mặt bằng thi công.
- Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 100m.
- Khơi rãnh thoát nước, dọn vệ sinh.
- Cuốc mở rộng, đánh xôm ổ gà, rãnh nước.
- Rải đất bằng đất đã được đổ đồng tại nơi thi công.
- San gạt, xam vằm, tưới nước và đầm lèn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.
- Hoàn thiện công trình, mặt bề đúng yêu cầu kỹ thuật.
- Thu dọn hiện trường sau khi thi công.

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị: 1m ³	
			Đơn vị	Số lượng
13.10.00	San lấp ổ gà rãnh nước mặt bề bằng đất cấp phối tự nhiên	<i>Vật liệu</i>		
		Đất cấp phối tự nhiên (đất đỏ)	m ³	1,45
		<i>Nhân công: 3,5/7</i>	công	2,38
		<i>Máy thi công:</i>		
		Ô tô chở nước 5 m ³	ca	0,007

14.10.00. CÔNG TÁC SAN LẤP Ổ GÀ, RÃNH NƯỚC MẶT ĐỀ BẰNG ĐẤT ĐÁ HỖN HỢP (ĐÁ CỘN) HOẶC ĐÁ THẢI

+ Yêu cầu kỹ thuật:

- Trước khi rải vật liệu san lấp phải đào cuốc san phẳng đáy cắt vuông cạnh ổ gà, rãnh nước.
- Đám, lèn không được phá vỡ kết cấu dẽ, không làm thay đổi cao trình mặt dẽ. Sau khi đầm, lèn phải đảm bảo mặt dẽ phẳng nhẵn không có vết nứt, lồi lõm, hoặc tạo gờ.

+ Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện, mặt bằng thi công.
- Khơi rãnh thoát nước, dọn vệ sinh.
- Đào, cuốc san phẳng đáy, cắt vuông cạnh.
- Rải đất đá hỗn hợp (đá cộn) hoặc đá thải đã được đổ đồng tại nơi thi công.
- San gạt, tưới nước đầm nện chặt.
- Rải lớp đá mặt trên mặt.
- Hoàn thiện công trình mặt dẽ đúng yêu cầu kỹ thuật.
- Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 100m.
- Thu dọn hiện trường sau khi thi công.

Đơn vị: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
14.10.00	San lấp ổ gà rãnh nước mặt đề bằng đất đá hỗn hợp (đá cộn) hoặc đá thải	<i>Vật liệu:</i>		
		Đất đá hỗn hợp (đá cộn) hoặc đá thải	m ³	1,45
		Đá mặt	m ³	0,2
		<i>Nhân công 4/7</i>	công	3,42
		<i>Máy thi công</i>		
		- Ô tô chở nước 5 m ³	ca	0,007

15.10.00. CÔNG TÁC SAN LẤP HỒ XÓI, RÃNH XÓI MÁI ĐÈ

+ Yêu cầu kỹ thuật

- Đảm bảo đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo đúng thiết kế đề (kích thước mặt cắt, dung trọng...) không làm thay đổi độ dốc mái dè.

+ Thành phần công việc

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện, mặt bằng thi công.
- Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 100m.
- Dọn vệ sinh rãnh xói và xung quanh.
- Cuốc mở rộng, đánh xôm rãnh xói.
- Rải đất san gạt, tưới nước đầm nén chặt.
- Hoàn thiện công trình, sửa vổ mái dè đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.
- Trồng dặm cỏ mái dè.
- Thu dọn hiện trường sau khi thi công.

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị: 1m ³	
			Đơn vị	Số lượng
15.10.00	San lấp ở gà rãnh nước mặt dè bằng đất cấp phối tự nhiên	<i>Vật liệu</i>		
		Đất cấp phối tự nhiên (đất dổi)	m ³	1,45
		<i>Nhân công 4/7</i>	công	2,5
		<i>Máy thi công</i>		
		Đầm cóc	ca	0,033
		Ô tô chở nước 5m ³	ca	0,007

16.10.00. KÈ ĐÁ CHÂN KHAY ĐỂ RẢI CẤP PHỐI MẶT ĐÈ

+ Thành phần công việc

- Chuẩn bị, xếp đá đào chân khay, chèn đá ba, đúng theo yêu cầu kỹ thuật.
- Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m.
- Thu dọn hiện trường sau khi thi công.

Đơn vị tính: m ³				
Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
16.10.00	Kè đá chân khay để rải cấp phối mặt đê	<i>Vật liệu:</i> Đá hộc, đá ba	m ³	1,2
		<i>Nhân công:</i> 3,0/7	công	1,41

17.10.00. CÔNG TÁC TU SỬA KÈ ĐÁ BỊ BONG XÔ

+ Thành phần công việc

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện, mặt bằng thi công.
- Tháo dỡ đá lát cũ, sửa lại lớp lọc
- Xếp đá, chèn chêm, lát mái bằng đá hộc.
- Hoàn thiện mái kè bảo đảm đúng yêu cầu kỹ thuật.
- Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 100m.
- Thu dọn hiện trường sau khi thi công.

Đơn vị: 1m ³				
Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
17.10.00	Tu sửa kè đá bị bong xô	<i>Vật liệu</i>		
		Đá hộc	m ³	1,26
		Đá dăm chèn (4x6)	m ³	0,062
		<i>Nhân công</i> 3,7/7	công	3,33

Ghi chú:

- Đối với kè sông đá hộc bổ sung mới + tận dụng (ít nhất) là 65% trở lên; Đối với kè biển đá hộc được bổ sung mới + tận dụng (ít nhất) là 50% trở lên.
- Vật liệu khác như đất thịt, vải lọc, tính theo thực tế có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

18.10.00. BẢO DƯỠNG GIẾNG GIẢM ÁP

+ Thành phần công việc

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện, mặt bằng thi công.
- Phá dỡ gạch xây nắp giếng, tháo mở tấm bê tông nắp giếng.
- Nạo vét bùn lắng đọng, vận chuyển bùn rác, đổ đúng nơi qui định hoặc đổ lên phương tiện vận chuyển trong phạm vi 100m.
- Bơm tát nước trong giếng, vệ sinh, dây cò quanh giếng.
- Dọn, nạo vét hai bên rãnh thoát nước và trong khu vực.
- Xây lại nắp giếng bằng gạch chỉ, vữa xi măng M75.
- Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 100 m.
- Thu dọn hiện trường sau khi thi công.

Đơn vị: 1 giếng

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
18.10.00	Bảo dưỡng giếng giảm áp loại $\phi 1m$	<i>Vật liệu</i>		
		Gạch chỉ	viên	71
		Vữa xi măng M75	m ³	0,038
		<i>Nhân công 3,517</i>	công	2,30
		<i>Máy thi công</i>		
		Máy bơm chạy bằng động cơ xăng 7 CV	ca	0,85

19.10.00. SẢN XUẤT CÁC LOẠI CỘT MỐC VÀ BIỂN BẢO TRÊN ĐÈ.

19.11.00. SẢN XUẤT CỘT MỐC THEO DÔI DIỄN BIẾN KÈ VÀ LÒNG SÔNG,
CỘT MỐC CHỈ GIỚI BẢO VỆ ĐÈ, CỘT Hm (BÊ TÔNG ĐÚC SẴN)

+ Thành phần công việc

- Sàng, rửa cát, sỏi
- Chặt, uốn, buộc cốt thép
- Trộn, đổ, đầm, bảo dưỡng bê tông
- Sản xuất, tháo dỡ ván khuôn
- Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m, tách, xếp cấu kiện vào vị trí qui định.
- Thu dọn hiện trường sau khi thi công.

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đơn vị tính: 1 cái		
				Loại cột mốc		
				Cột theo dõi kè và lòng sông loại kiến cố (0,2x0,2x1,5) m	Cột chỉ giới bảo vệ đê (0,2x0,2x 0,8)m	Cột Hm (0,12x 0,12x 1,025)m
19.11.	Sản xuất cột mốc theo dõi diễn biến kè và lòng sông, cột chỉ giới bảo vệ đê, cột Hm	Vật liệu				
		Xi măng PC 30	kg	21,98	19,054	5,68
		Cát vàng	m ³	0,0274	0,024	0,0071
		Đá dăm 1-2	m ³	0,0536	0,046	0,012
		Thép tròn Φ 4-6	kg		2,15	1,746
		Thép tròn Φ 6-14	kg	7,78		
		Dây thép buộc	kg	0,166	0,045	0,017
		Ván khuôn gỗ dây 3cm	m ³	0,000564	0,00042	0,0002
		Đinh 6cm	kg	0,16	0,14	0,072
		Vật liệu khác	%	1,0	1,0	1,0
		Nhân công: 3,7/7	công	0,535	0,377	0,150
				10	20	30

Ghi chú: Vữa đúc cột loại M200

19.12.00. SẢN XUẤT CỘT CÂY SỐ ĐỀ

+ Yêu cầu kỹ thuật:

Thực hiện theo quy định tại văn bản 401/PCLB ngày 18/8/2003 của Cục Phòng chống lụt bão và QLĐĐ

+ Thành phần công việc

- Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, sàng, rửa cát, sỏi. Chặt, uốn, buộc cốt thép.
- Trộn, đổ, đầm, bảo dưỡng bê tông, chôn đỉnh Rive đồng đúng yêu cầu kỹ thuật.
- Sản xuất, tháo dỡ ván khuôn.
- Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m, xếp cấu kiện vào vị trí quy định
- Thu dọn hiện trường sau khi thi công.

Đơn vị tính: 1 cái

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
19.12.00	Sản xuất cột cây số đề	<i>Vật liệu</i>		
		Xi măng PC 30	kg	20,81
		Cát vàng	m ³	0,026
		Đá sỏi đường kính lớn nhất 20mm	m ³	0,050
		Thép tròn 6-12mm	kg	15,22
		Dây thép buộc	kg	0,32
		Ván khuôn gỗ dày 3cm (0,96m ²)	m ³	0,00096
		Đỉnh 6cm	kg	0,30
		Đỉnh Rive đồng Φ10, dài 15cm	cái	01
		Vật liệu khác	%	0,5
		<i>Nhân công</i> 3,7/7	công	0,538

19.13.00. LÀM CỘT THUYẾT

+ Thành phần công việc

- Sàng, rửa cát, sỏi, vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m.
- Đào móng cột.
- Trộn, đổ, đầm, bảo dưỡng bê tông chân cột.
- Dựng, căn chỉnh cột.
- Sơn, kẻ ô, viết số trên cột theo quy định kỹ thuật.
- Thu dọn hiện trường sau khi thi công.

Đơn vị tính: 1 cái

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
19.13.00	Làm cột thuyết trí (loại cột 2,5m)	<i>Vật liệu</i>		
		Thép hình U16 dài 2,5m	kg	38,25
		Vữa bê tông đổ tại chỗ M200	m ³	0,13
		Sơn	kg	0,165
		Vật liệu khác	%	1,0
		<i>Nhân công</i> 3,5/7	công	1,282

Ghi chú: Định mức làm cột thuyết trí chưa tính công tác dẫn cao độ về và công tác xây bậc lên xuống từ mái để xuống.

19.20.00. TRỒNG CỘT CÂY SỐ ĐỀ

+ Thành phần công việc

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, cấu kiện ra hiện trường trong phạm vi 50m.
- Đào đất, chôn cột, đổ bê tông chân cột M150.
- Sơn cột, kẻ chữ, theo đúng yêu cầu kỹ thuật.
- Thu dọn hiện trường sau khi thi công.

Đơn vị tính: 1 cái

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
19.20.00	Trồng cột cây số trên đề	<i>Vật liệu</i>		
		Cột km bê tông đúc sẵn	cột	1,01
		Vữa bê tông M150 (đá sỏi đường kính lớn nhất 40mm) đổ chân cột	m ³	0,222
		Sơn	kg	0,35
		Vật liệu khác	%	1,0
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,90

19.30.00. CÔNG TÁC XÂY BẠC LÊN XUỐNG CỘT THỦY TRÍ CÓ GẮN MỐC CAO ĐỘ

+ Thành phần công việc

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện thi công.
- Vận chuyển vật liệu, phương tiện trong phạm vi 100m.
- Xác định vị trí xây, căng dây, cắm mốc.
- Trộn vữa, xây đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.
- Chôn bu lông đánh dấu cao độ ở mỗi bậc.
- Thu dọn hiện trường sau khi thi công.

Đơn vị tính: 1 m³

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
19.30.00	Xây bậc lên xuống cột thủy trí có gắn mốc cao độ	<i>Vật liệu</i>		
		Gạch chỉ	viên	564
		Vữa xây	m ³	0,31
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,67

Ghi chú: Định mức xây bậc lên xuống cột thủy trí chưa tính các công tác dẫn chuyển cao độ.

19.40.00. CÔNG TÁC ĐỔ BÊ TÔNG MỐ HẠN CHẾ XE QUÁ TẢI ĐI TRÊN ĐÈ

+ Thành phần công việc

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện thi công vận chuyển vật liệu, phương tiện trong phạm vi 30m
- Sàng rửa cát, sỏi.
- Xác định vị trí xây, căng dây, cắm mốc.
- Trộn, đổ, đầm, bảo dưỡng bê tông xây đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.
- Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn.
- Thu dọn hiện trường sau khi thi công.

Đơn vị tính: 1 m³

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
19.40.00	Đổ bê tông mố hạn chế xe quá tải đi trên dè	Vật liệu		
		Vữa bê tông	m ³	1,03
		Ván khuôn	m ²	2,70
		Vật liệu khác	%	1
		Nhân công 3,5/7	công	3,29
		Máy thi công		
		Máy trộn 250 lít	ca	0,11
		Máy đầm dùi 1,5kw	ca	0,20

19.50.00. CÔNG TÁC SẢN XUẤT, LẮP DỰNG CỘT MỐC CẢNH BÁO LŨ

19.51.00. CÔNG TÁC SẢN XUẤT CỘT MỐC CẢNH BÁO LŨ

+ Thành phần công việc

- Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu
- Sàng rửa cát, sỏi, vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m
- Trộn, đổ, đầm, bảo dưỡng bê tông
- Chặt, uốn, buộc cốt thép.
- Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn
- Thu dọn hiện trường sau khi đổ bê tông

Đơn vị tính: 1 cột

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
19.51.00	Sản xuất cột mốc cảnh báo lũ (cột 6,1m)	Vật liệu		
		Xi măng PC 30	kg	112,12
		Cát vàng	m ³	0,140
		Đá sỏi đường kính lớn nhất 20mm	m ³	0,274
		Ván khuôn	m ²	4,11
		Thép tròn 6 - 14mm	kg	36,2
		Dây thép buộc	kg	0,51
		Vật liệu khác	%	1,0
		Nhân công 3,7/7	công	2,45
		Máy thi công		
		Máy trộn 250 lít	ca	0,029
		Máy đầm dùi 1,5kw	ca	0,056

19.52.00. CÔNG TÁC LẮP DỰNG CỘT MỐC CẢNH BÁO LŨ

+ Thành phần công việc

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, cấu kiện ra hiện trường trong phạm vi 30m.
- Đào đất, chôn cột, định vị căn chỉnh cột, trộn vữa đổ bê tông móng cột.
- Chặt, uốn, lắp dựng cốt thép móng cột.
- Xây gạch thân móng, láng vữa xi măng cát vàng dày 5cm trên mặt móng.
- Gắn núm sứ vào đế cột.
- Trát cổ móng dày 2cm vữa M75.
- Sơn cột 4 mặt theo đúng yêu cầu kỹ thuật.
- Đắp đất và trồng cỏ xung quanh chân cột.
- Thu dọn sau khi thi công.

Đơn vị tính: 1 cột

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
19.52.00	Lắp dựng cột cảnh báo lũ (cột 6,1m)	<i>Vật liệu</i>		
		Vữa bê tông gạch vữa lót móng M75	m ³	0,29
		Vữa bê tông M200 móng cột	m ³	0,45
		Xây trụ gạch chỉ M75	m ³	1,53
		Láng vữa XM cát vàng dày 5cm M100	m ²	1,061
		Trát cổ móng cột dày 2cm M75	m ²	5,66
		Cốt thép móng	kg	15,38
		Dây thép buộc	kg	0,22
		Tre chống (φ6- 8)cm, 5 cây (luân chuyển 3 lần), làm gông dựng cột	cây	1,7
		Sơn cột	m ²	4,02
		Núm sứ loại to	chiếc	1,01
		Vật liệu khác	%	1,0
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	13,69
		<i>Máy thi công</i>		
		- Cần cẩu 10 tấn	ca	0,26

19.60.00. CÔNG TÁC LẮP DỰNG CỘT MỐC THEO DỐI DIỄN BIẾN KÈ VÀ LÒNG SÔNG LOẠI KIẾN CỐ, CỘT CHỈ GIỚI BẢO VỆ ĐỀ, CỘT Hm

+ Thành phần công việc

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, cấu kiện trong phạm vi 30m.
- Đào đất, đắp đất chôn cột, định vị căn chỉnh cột, trộn, đổ, đầm bê tông chân cột.
- Sơn cột, viết chữ theo đúng yêu cầu kỹ thuật.
- Thu dọn hiện trường sau khi thi công.

Đơn vị tính: 1 cái

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Loại cột mốc		
				Cột mốc theo dõi diễn biến kè và lòng sông loại kiến cố (0,2x0,2x1,5)m	Cột chỉ giới bảo vệ đề (0,2x0,2x0,8)m	Cột Hm (0,12x0,12x1,025)m
19.60.	Lắp dựng cột mốc theo dõi diễn biến kè và lòng sông, cột chỉ giới đề, cột Hm	Vật liệu	m ³	0,18	-	-
		Vữa bê tông M150	kg	0,24	0,24	0,072
		Sơn tổng hợp	%	1,0	1,0	1,0
		Vật liệu khác				
		Nhà công 3,7/7	công	0,578	0,167	0,14
				10	20	30

19.70.00. SƠN SỬA CÁC LOẠI CỘT MỐC, BIỂN BÁO HIỆU TRÊN ĐÊ, VIẾT LẠI CHỮ, KÈ LẠI SỐ CHO CÁC LOẠI BIỂN BÁO, CỘT MỐC TRÊN ĐÊ VÀ TU SỬA ĐIỂM CẢNH ĐÊ.

19.71.00. SƠN SỬA CÁC LOẠI CỘT MỐC, BIỂN BÁO HIỆU TRÊN ĐÊ

+ *Thành phần công việc*

- Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, vận chuyển trong phạm vi 100m.
- Vệ sinh, cạo bỏ lớp sơn cũ, đánh gỉ kết cấu thép, lau chùi, đánh giấy ráp.
- Trát vữa những chỗ bị sứt, khuyết tật (nếu có).
- Pha sơn, sơn đúng kỹ thuật.
- Thu dọn nơi làm việc.

Đơn vị tính: 1m²

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Sơn vào bề tổng		Sơn vào sắt
				2 nước	3 nước	1 nước chống gỉ, 2 nước màu
19.71.	Sơn vào cột bê tông, sơn vào sắt cho các loại cột mốc, biển báo trên đê	<i>Vật liệu</i>				
		Sơn chống gỉ	kg			0,143
		Sơn màu	kg	0,312	0,49	0,24
		Vật liệu khác	%	1,0	1,0	1,0
		<i>Nhân công</i>	công	0,264	0,312	0,48
		3,717				
				10	20	30

19.72.00. VIẾT LẠI CHỮ, KÈ LẠI SỐ CHO CÁC LOẠI BIỂN BÁO, CỘT MỐC TRÊN ĐÊ.

+ *Thành phần công việc*

- Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu.
- Pha sơn, viết lại chữ trong các biển báo theo đúng yêu cầu kỹ thuật.
- Thu dọn nơi làm việc.

Đơn vị : 1cái

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cột thủy chí	Cột mốc cảnh báo lũ	Biển báo hiệu kẻ công, vẽ đê	Biển gianh giới Huyện, xã
19.72.	Viết lại số, chữ, cho các loại cột mốc, biển báo trên đê	<i>Vật liệu</i>					
		Sơn màu	kg	0,44	0,40	0,40	0,44
		<i>Nhân công</i>	công	1,1	1,0	0,8	0,8
		3,717					
				10	20	30	40

19.80.00. TU SỬA ĐIỂM CANH ĐỀ

- Đặc điểm điểm canh đề hầu hết nằm ở nơi xa xôi, hẻo lánh điều kiện thi công khó khăn khối lượng thi công nhỏ, lẻ.

- Chi phí nhân công trong công tác sửa chữa tăng lên 10% so với Định mức dự toán sửa chữa số 29/ 2000/QĐ- BXD ngày 25-12-2000, còn chi phí vật liệu vẫn giữ nguyên.

20.00.00. CÔNG TÁC CẢI TẠO MẶT ĐỀ

20.10.00. ĐÀO CHÂN KHAY, ĐÀO RĂNG THOÁT NƯỚC CẢI TẠO MẶT ĐỀ.

+ Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, đào chân khay, đào rãnh thoát nước, san dầm đáy chân khay, rãnh, xúc đất đổ đúng nơi quy định hoặc đổ lên phương tiện vận chuyển trong phạm vi 10m, hoàn thiện chân khay, rãnh thoát nước sau khi đào theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị tính: công/m ³			
			Cấp đất			
			I	II	III	IV
20.10.	Đào chân khay, đào rãnh thoát nước đề	Nhân công 2,717				
	Chiều sâu đào					
	≤ 15 cm		0,77	0,96	1,39	2,12
	≤ 30 cm		0,70	0,87	1,27	1,95
	> 30cm		0,64	0,80	1,17	1,82
			10	20	30	40

20.20.00. ĐÁP ĐẤT LỀ ĐƯỜNG ĐỀ CẢI TẠO MẶT ĐỀ.

+ Thành phần công việc:

- Dỡ cỏ, bóc đất hữu cơ, xúc đất đổ đúng nơi quy định hoặc đổ lên phương tiện vận chuyển trong phạm vi 30m để vận chuyển.

- Đắp lề đường bằng đất đã đào, đổ đồng tại nơi đắp hoặc vận chuyển trong phạm vi 30m.

- San, xâm, vằm và dầm dãi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

- Hoàn thiện công trình theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị tính: công/lm ³		
			Cấp đất		
			I	II	III
20.20.	Đắp đất lề đường rộng ≤ 2 m. Dung trọng >1,45 (T/m ³)	Nhân công 3,017	0,48	0,39	0,31
			10	20	30

**20.30.00. RẢI CẤP PHỐI BẰNG ĐẤT ĐÁ HỖN HỢP (ĐÁ CỘN) HOẶC ĐÁ THẢI
CẢI TẠO MẶT ĐÈ, DỐC ĐÈ.**

+ Yêu cầu kỹ thuật:

- Nền đường trước khi rải cấp phối phải đủ tiêu chuẩn độ chặt yêu cầu.
- Vật liệu rải cấp phối phải đảm bảo sạch sẽ, không được lẫn cỏ rác, lá cây.
- Lớp cấu tạo mặt đường phải đảm bảo đạt được những yêu cầu của thiết kế về cường độ và các yếu tố hình học (chiều dày, chiều rộng, mũi lượn, độ bằng phẳng).
- Đơn vị thi công phải đảm bảo giao thông trong giai đoạn thi công, không gây ách tắc giao thông.

+ Thành phần công việc

- Dùng cuốc chim, cuốc sừng, bừa tòn vênh, san lấp tạo mặt bằng trước khi rải cấp phối, lu lèn tạo mặt phẳng (áp dụng định mức san lấp ở gần x 50%).
- Đắp đất lề 2 bên
- Đào chân khay, kê đá chân khay (áp dụng định mức trên).
- Rải cấp phối đất, đá hỗn hợp, san gạt tạo mũi lượn.
- Tưới nước đủ độ ẩm (bằng xe tưới).
- Lu bằng xe lu 8,5 tấn đến khi hoàn thiện đảm bảo độ chặt đúng yêu cầu kỹ thuật.
- Sử dụng đá mặt rải lớp mặt bằng thủ công – lu lớp mặt hoàn thiện.
- Bảo dưỡng mặt đường đến khi nghiệm thu.

Đơn vị tính: 100m²

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày mặt đê đã lèn ép (cm)				
				10	12	14	16	18
20.30.	Rải cấp phối mặt đê bằng đất, đá hỗn hợp (đá cộn) hoặc đá thải	<i>Vật liệu</i> Đất, đá hỗn hợp từ 1x2 đến 4 x6, lượng đất ≤20%	m ³	14,68	17,54	20,39	23,25	26,10
		Đá mặt	m ³	1,02	1,02	1,02	1,02	1,02
		<i>Nhân công</i> 2,5/7	công	3,78	4,0	4,22	4,44	4,65
		<i>Máy thi công</i> - Xe lu 8,5T - Máy khác	ca %	1,20 5,0	1,46 5,0	1,70 5,0	1,91 5,0	2,17 5,0
				10	20	30	40	50

20.40.00. CÔNG TÁC SỬA CHỮA GIẾNG GIẢM ÁP

20.41.00. PHÁ DỠ GẠCH XÂY THÀNH GIẾNG GIẢM ÁP

+ Yêu cầu kỹ thuật

- Các bộ phận kết cấu của công trình cũ có thể được phá, tháo dỡ hoàn toàn hoặc từng bộ phận để thay thế, sửa chữa lại.
- Khi phá hoặc tháo dỡ cần thực hiện theo đúng yêu cầu biện pháp thi công của thiết kế, đảm bảo kỹ thuật và an toàn lao động, phá, hoặc tháo dỡ phải cẩn thận để tận dụng thu hồi vật liệu và bảo vệ các bộ phận kết cấu khác của công trình.
- Trường hợp khi phá hoặc tháo dỡ cần phải bắc giàn giáo thì các hao phí cho công việc này được tính riêng.

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đơn vị tính: 1m ³				
				Chiều dày (cm)				
				≤ 11	≤ 22	≤ 33	≤ 45	> 45
20.41.	Phá dỡ gạch xây thành giếng giảm áp	Nhân công 3,7/7	công	1,15	1,27	1,34	1,78	1,93
				10	20	30	40	50

20.42.00. XÂY LẠI THÀNH GIẾNG GIẢM ÁP BẰNG GẠCH CHỈ (6,5X10,5X22)

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đơn vị tính: 1m ³	
				Chiều dày (cm)	
				≤ 33	> 33
20.42.	Xây lại thành giếng giảm áp	Vật liệu: Gạch chỉ Vữa	viên m ³	564	552
				0,30	0,32
			Nhân công 3,5/7	3,56	3,3
				10	20

20.43.00. TRÁT THÀNH GIẾNG GIẢM ÁP

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đơn vị tính: 1m ²		
				Chiều dày (cm)		
				1,0	1,5	2,0
20.43.	Trát thành giếng giảm áp	Vật liệu Vữa	m ³	0,013	0,019	0,025
				0,222	0,23	0,24
			Nhân công 4/7	10	20	30

20.44.00. NẠO VẾT RĂNG THOÁT NƯỚC - GIẾNG GIẢM ÁP

+ Thành phần công việc

Vét răng dọc, thoát nước, gom rác, đất, vận chuyển đi nơi khác trong phạm vi 100m

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị tính: 1m	
			Đơn vị	Số lượng
20.44.00	Nạo vét răng thoát nước	Nhân công 2,7/7	công	0,035

20.45.00. CÔNG TÁC LÀM LẠI TẦNG LỌC MỖI GIẾNG GIẢM ÁP

20.45.10. NẠO VẾT TẦNG LỌC CŨ GIẾNG GIẢM ÁP

+ Thành phần công việc Đào, xúc đổ đúng chỗ quy định hoặc đổ lên phương tiện vận chuyển trong phạm vi 30m.

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị tính: 1m ³	
			Đơn vị	Số lượng
20.45.10	Nạo vét tầng lọc cũ giếng giảm áp	Nhân công 2,7/7	công	1,95

20.45.20. LÀM TẦNG LỌC MỖI GIẾNG GIẢM ÁP

+ Thành phần công việc

- Chuẩn bị hiện trường, xác định vị trí lên ga, cắm tuyến
- Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m. Xếp, rải, đầm đá, cát, sỏi bảo đảm yêu cầu kỹ thuật.
- Thu dọn hiện trường sau khi thi công

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị tính: 1m ³	
			Đơn vị	Số lượng
20.45.21	Làm lại tầng lọc bằng cát vàng giếng giảm áp	Vật liệu Cát vàng	m ³	1,51
		Nhân công 3,5/7	công	1,57
20.45.22	Làm lại tầng lọc bằng đá dăm hoặc sỏi giếng giảm áp	Vật liệu Đá dăm (2x4)	m ³	1,22
		Nhân công 3,5/7	công	3,08

20.50.00. CÔNG TÁC KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CỐNG DƯỚI ĐÊ (TRƯỚC KHI TÙ SỬA)

20.51.00. ĐÁP ĐÊ QUAI THƯỜNG HẠ LƯU CỐNG DƯỚI ĐÊ

+ *Thành phần công việc*

- Ủi cỏ, bóc đất hữu cơ, san đất trong phạm vi 30m thành từng lớp, đầm chặt, bạt vỏ mái taluy, hoàn thiện công trình theo yêu cầu kỹ thuật.

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đơn vị tính: 100m ³ Cấp đất			
				I	II	III	IV
20.51.	Đắp đê quai thường, hạ lưu cống dưới đê bằng máy Dung trọng ≤ 1,6T/m ³	<i>Máy thi công</i> <i>Máy đầm 9T</i> <i>Máy ủi 110cv</i> <i>Nhân công 3/7</i>	ca	0,175	0,196	0,222	0,282
			ca	0,088	0,098	0,111	0,141
			công	1,48	1,48	1,48	1,48
				10	20	30	40

20.52.00. ĐÀO PHÁ BỎ ĐÊ QUAI THƯỜNG, HẠ LƯU CỐNG DƯỚI ĐÊ

+ *Thành phần công việc:*

Đào xúc đất đổ lên phương tiện vận chuyển trong phạm vi quy định

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đơn vị tính: 100m ³ Cấp đất			
				I	II	III	IV
20.52.	Đào phá bỏ đê quai thường, hạ lưu cống dưới đê V/C trong phạm vi ≤ 300m	<i>Máy thi công</i> <i>Máy đào ≤ 1,25m³</i> <i>Ô tô ≤ 7T</i> <i>Máy ủi ≤ 110 cv</i> <i>Nhân công 3/7</i>	ca	0,172	0,198	0,229	0,312
			ca	0,526	0,588	0,74	0,81
			ca	0,027	0,036	0,045	0,054
			công	0,50	0,65	0,81	1,15
				10	20	30	40

20.60.00. SỬA CHỮA NHỎ CỐNG DƯỚI ĐÊ

+ Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện thi công.
- Vận chuyển vật liệu, dụng cụ trong phạm vi 30m.
- Xác định tìm cốt, căng dây, lấy mốc.
- Trộn vữa, xây bảo đảm đúng yêu cầu kỹ thuật.
- Thu dọn khi kết thúc công việc.

20.61.00. CÔNG TÁC XÂY MÓNG CỐNG DƯỚI ĐÊ BẰNG ĐÁ HỘC

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				≤ 60	> 60
20.61.	Xây móng cống dưới đê bằng đá	<i>Vật liệu</i>			
		Đá hộc	m ³	1,26	1,26
		Đá dăm	m ³	0,06	0,06
		Vữa	m ³	0,44	0,44
		<i>Nhân công 3,717</i>	công	2,07	2,02
				10	20

20.62.00. CÔNG TÁC XÂY TƯỜNG CỐNG DƯỚI ĐÊ BẰNG ĐÁ HỘC

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)	
				≤ 60	> 60
20.62.	Xây tường cống dưới đê bằng đá	<i>Vật liệu</i>			
		Đá hộc	m ³	1,26	1,26
		Đá dăm	m ³	0,06	0,06
		Vữa	m ³	0,44	0,44
		<i>Nhân công 3,717</i>	công	2,75	2,61
				10	20

20.63.00. CÔNG TÁC XÂY TƯỜNG TRỤ PIN, TƯỜNG CONG NGHIÊNG VẠN
VỎ ĐỒ CỐNG DƯỚI ĐỀ BẰNG ĐÁ HỘC

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đơn vị tính: 1m ³	
				Chiều dày (cm)	
				≤ 60	> 60
20.63.	Xây tường trụ pin, tường cong nghiêng vắn vỏ đồ cống dưới đề bằng đá	Vật liệu			
		Đá hộc	m ³	1,26	1,26
		Đá dăm	m ³	0,06	0,06
		Vữa	m ³	0,44	0,44
		Nhân công 3,7/7	công	3,05	2,87
				10	20

20.64.00. CÔNG TÁC XÂY MỐ, TRỤ, CỘT, TƯỜNG CÁCH CỐNG DƯỚI ĐỀ
BẰNG ĐÁ HỘC

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đơn vị tính: 1m ³		
				Mố	Trụ, cột	Tường cánh
20.64.	Xây mố, trụ, cột, tường cánh cống dưới đề bằng đá	Vật liệu				
		Đá hộc	m ³	1,26	1,26	1,26
		Đá dăm	m ³	0,06	0,06	0,06
		Vữa	m ³	0,44	0,44	0,44
		Cốt thép	kg	-	7,57	-
		Nhân công 3,7/7	công	2,93	5,12	2,8
				10	20	30

20.65.00. CÔNG TÁC XÂY MẶT BẰNG, MÁI DỐC CỐNG DƯỚI ĐỀ BẰNG ĐÁ
HỘC

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đơn vị tính: 1m ³		
				Mặt bằng	Mái dốc thẳng	Mái dốc cong
20.65.	Xây mặt bằng, mái dốc cống dưới đề bằng đá	Vật liệu				
		Đá hộc	m ³	1,26	1,26	1,26
		Đá dăm (4x6)	m ³	0,06	0,06	0,06
		Vữa	m ³	0,44	0,44	0,44
		Cốt thép	kg	-	-	0,52
		Nhân công 3,7/7	công	2,41	2,51	2,66
				10	20	30

20.66.00. CÔNG TÁC XẾP ĐÁ KHAN MẶT BẰNG, MÁI DỐC CỐNG DƯỚI ĐÈ

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Xếp đá khan không chít mạch			Xếp đá khan có chít mạch		
				Mặt bằng	Mái dốc thẳng	Mái dốc cong	Mặt bằng	Mái dốc thẳng	Mái dốc cong
20.66.	Xếp đá khan mặt bằng, mái dốc cống dưới dè	<i>Vật liệu</i>							
		Đá hộc	m ³	1,26	1,26	1,28	1,26	1,26	1,28
		Đá dăm (4x6)	m ³	0,062	0,062	0,067	0,062	0,062	0,062
		Vữa	m ³	-	-	-	0,07	0,07	0,07
		Dây thép	kg	-	-	0,53	-	-	0,53
		<i>Nhân công</i>	<i>công</i>	1,32	1,54	2,18	1,76	1,93	2,21
		3,717							
				10	20	30	40	50	60

20.70.00. CÔNG TÁC SẢN XUẤT LẮP DỰNG THẢO DỠ VÁN KHUÔN THÉP CHO BÊ TÔNG ĐÚC SÀN LÁT MÁI ĐÈ

+ *Thành phần công việc*

- Chuẩn bị vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m.
- Sản xuất, lắp dựng và tháo dỡ theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

Đơn vị tính: 100 m²

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
20.70.00	Sản xuất, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn thép cho bê tông đúc sàn lát mái dè ở giữa có trống cộ	<i>Vật liệu</i>		
		Thép tấm	kg	17,27
		Thép hình	kg	16,28
		Que hàn	kg	1,90
		Vật liệu khác	%	5,0
		<i>Nhân công</i> 417	<i>công</i>	31,76
		<i>Máy thi công</i>		
		Máy hàn 23kw	ca	0,69
		Máy khác	%	15,0

**20.80.00. CÔNG TÁC SẢN XUẤT, LẮP DỰNG, THÁO DỠ VÁN KHUÔN GỖ
CHO CÔNG TÁC ĐỔ BÊ TÔNG MỔ HẠN CHẾ XE QUÁ TẢI TRÊN ĐỀ**

+ *Thành phần công việc*

- Chuẩn bị vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m,
- Sản xuất, lắp dựng và tháo dỡ theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đơn vị tính: 100m ²	
				Chiều dày (cm)	
				≤ 45	> 45
20.80.	Công tác sản xuất, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn gỗ cho công tác đổ bê tông mổ hạn chế xe quá tải trên đề	<i>Vật liệu</i>			
		Gỗ ván	m ³	0,792	0,792
		Gỗ dầm nẹp	m ³	0,19	0,19
		Gỗ chống	m ³	0,357	0,455
		Bu lông M16	cái	-	2,6
		Đinh	kg	17,13	4,6
		Đinh đĩa	cái	-	10,26
		Dây thép	kg	-	11,4
		Tăng đơ φ 14	cái	-	5,1
		Vật liệu khác	%	0,5	1,0
		<i>Nhân công 3,7/7</i>	công	27,78	32,61
				10	20

**20.90.00. LẮP ĐẶT BIỂN BÁO HIỆU KÈ CỐNG, VỖ ĐÊ, BIỂN GIANH GIỚI
HUYỀN XÃ**

**20.91.00. SẢN XUẤT, LẮP ĐẶT BIỂN BÁO HIỆU KÈ CỐNG, VỖ ĐÊ, BIỂN
GIANH GIỚI HUYỀN XÃ - BIỂN PHẢN QUANG**

+ Thành phần công việc

- Gõ tôn, lấy dầu, cắt thành bảng, in bảng, chùi khuôn bảng, rửa màn in.
- Vẽ khuôn mẫu, tráng màng phim, cắt màng dán, cán hấp, phơi bảng.
- Lắp đặt bốc dỡ, vận chuyển vật liệu trong phạm vi 10km.

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đơn vị tính: 1 cái			
				Loại biển báo phản quang			
				Biển vuông (60x60) cm	Biển tròn D70, bát giác cạnh 25cm	Biển tam giác cạnh 70cm	Biển chữ nhật (30x50) cm
20.91.	Sản xuất, lắp đặt biển báo phản quang	<i>Vật liệu:</i>					
		Màn phản quang	m ²	0,451	0,57	0,263	0,183
		Mực in cao cấp	lít	0,038	0,04	0,033	0,016
		Dung môi PUH 3519	lít	0,015	0,016	0,013	0,006
		Dung môi PUV	lít	0,038	0,04	0,033	0,016
		Tôn tráng kẽm dày 1,2 mm	kg	3,80	5,17	3,58	1,58
		Vật liệu khác	%	5,0	5,0	5,0	5,0
		<i>Nhân công</i>					
		3,717		1,37	1,44	1,25	0,93
		<i>Máy thi công</i>					
		Ôtô 2,5T	ca	0,025	0,025	0,025	0,025
				10	20	30	40

**20.92.00. SẢN XUẤT VÀ LẮP ĐẶT BIỂN BÁO HIỆU KÈ CỐNG, VỠ ĐỀ, BIỂN
GIANH GIỚI HUYỆN XÃ - BIỂN BÊ TÔNG CỐT THÉP**

+ Thành phần công việc

- Sàng cát, rửa sỏi đá.
- Chặt, uốn, buộc cốt thép.
- Sản xuất tháo dỡ ván khuôn.
- Trộn, đầm bê tông.
- Sơn bả, sơn cột.
- Đào lỗ, chôn cột, lắp bả.

(chưa tính công việc vẽ hình, kẻ chữ trên bả).

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đơn vị tính: 1 cái Kích thước biển báo (m)			
				0,6x1,0	1,0x1,2	1,0x1,6	0,6x0,6 0,5x0,7
20.92.	Sản xuất và lắp đặt biển báo hiệu kè cống, vỡ đề, biển gianh giới huyện, xã, biển bê tông cốt thép	<i>Vật liệu</i>					
		Xi măng PC30	kg	10,072	20,143	26,85	6,043
		Thép tròn Φ 4-6 mm	kg	2,285	4,02	5,502	1,672
		Dây thép buộc 1mm	kg	0,022	0,039	0,053	0,16
		Cát vàng	m ³	0,014	0,028	0,038	0,0085
		Đá sỏi dmax =20mm	m ³	0,023	0,046	0,061	0,0138
		Sơn	kg	0,185	0,370	0,493	0,111
		Ván khuôn gỗ dày 3cm	m ³	0,0017	0,0035	0,0047	0,0011
		Đinh 6cm	kg	0,0106	0,021	0,029	0,006
		Vật liệu khác	%	1,0	1,0	1,0	1,0
		<i>Nhân công</i>	công	0,46	0,90	1,21	0,29
		3,717					
				10	20	30	40

20.93.00. SẢN XUẤT VÀ LẮP ĐẶT CỘT ĐỠ BIỂN BÁO HIỆU KÈ CỐNG, VỠ ĐỀ, BIỂN GIANH GIỚI HUYỆN XÃ BÀNG BÊ TÔNG CỐT THÉP

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đơn vị tính: 1 cột		
				Loại cột dài (m)		
				2,7	2,8-3,0	3,1-3,8
20.93.	Sản xuất và lắp đặt cột đờ biển báo hiệu kè cống, vỡ đề, biển gianh giới huyện, xã- biển bê tông cốt thép	<i>Vật liệu</i>				
		Xi măng PC30	kg	12,261	12,979	13,941
		Thép tròn Φ6-8 mm	kg	6,4	6,72	7,345
		Dây thép buộc 1mm	kg	0,062	0,065	0,072
		Cát vàng	m ³	0,017	0,018	0,0195
		Đá sỏi d _{max} = 30mm	m ³	0,030	0,032	0,034
		Sơn	kg	0,2665	0,2665	0,2665
		Ván khuôn gỗ dày 3cm	m ³	0,0004	0,0004	0,0004
		Đinh 6cm	kg	0,038	0,041	0,045
		Bulong M20x180	cái	2,0	2,0	2,0
		Vật liệu khác	%	1,0	1,0	1,0
		<i>Nhân công 3,717</i>	công	0,72	0,75	0,81
				10	20	30

MỤC LỤC

TT	Hạng mục	Trang
	THUYẾT MINH VÀ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG	1
10.00.00	Trồng và chăm sóc các loại cây chắn sóng bảo vệ đê	3
10.10.00	Trồng cỏ vetiver bảo vệ đê	3
10.20.00	Trồng tre chắn sóng bảo vệ đê	4
10.21.00	Trồng tre thường và tre Đài loan	4
10.22.00	Trồng dặm tre chắn sóng bảo vệ đê	4
10.23.00	Trồng cây cây điển thanh chắn sóng bảo vệ đê	5
10.24.00	Làm hàng rào cột bê tông, cột tre quấn dây thép bảo vệ cỏ, tre	5
10.30.00	Công tác đắp bao tải đất, cát tạo mái	6
10.40.00	Kiểm tra đánh giá chất lượng công dưới đê	6
10.50.00	Công tác sản xuất tấm bê tông lát mái đê (loại ở giữa có trồng cỏ)	7
10.60.00	Công tác lắp dựng tấm bê tông lát mái đê (loại ở giữa có trồng cỏ)	7
10.70.00	Sản xuất, lắp dựng, ván khuôn kim loại cho công tác cứng hoá mặt đê	8
10.80.00	Công tác sơ hóa diễn biến lòng sông	9
10.90.00	Phát quang mái đê	10
11.10.00	Trồng dặm cỏ mái đê	10
12.10.00	Sản xuất cột bê tông cốt thép làm hàng rào bảo vệ cỏ, tre	11
13.10.00	Công tác san lấp ổ gà, rãnh nước mặt đê bằng đất cấp phối tự nhiên	12
14.10.00	Công tác san lấp ổ gà, rãnh nước mặt đê bằng đất đá hỗn hợp (đá cợn) hoặc đá thải	13
15.10.00	Công tác san lấp hố xói, rãnh xói mái đê	14
16.10.00	Kè đá chân khay để rải cấp phối mặt đê	15
17.10.00	Công tác tu sửa kè đá bị bong xó	15
18.10.00	Công tác bảo dưỡng giếng giảm áp	16
19.10.00	Sản xuất các loại cột mốc và biển báo trên đê	17
19.11.00	Sản xuất cột mốc theo dõi diễn biến kè và lòng sông loại kiên cố, cột chỉ giới bảo vệ đê, cột Hm	17
19.12.00	Sản xuất cột cây số đê	18
19.13.00	Làm cột thủy trí (loại cột 2,5m)	18
19.20.00	Trồng cột cây số đê	19
19.30.00	Công tác xây bậc lên xuống cột thủy trí có gắn mốc cao độ	19
19.40.00	Công tác đổ bê tông mở hạn chế xe quá tải đi trên đê	20
19.50.00	Công tác sản xuất, lắp dựng cột mốc cảnh báo lũ	20
19.51.00	Công tác sản xuất cột mốc cảnh báo lũ	20
19.52.00	Công tác lắp dựng cột mốc cảnh báo lũ	21
19.60.00	Lắp dựng cột mốc theo dõi diễn biến kè và lòng sông loại kiên cố, cột chỉ giới bảo vệ đê, cột Hm	22

19.70.00	Sơn sửa các loại cột mốc, biển báo hiệu trên đê, viết lại chữ, kẻ lại số cho các loại biển báo, cột mốc trên đê	23
19.71.00	Sơn sửa các loại cột mốc, biển báo hiệu trên đê	23
19.72.00	Viết lại chữ, kẻ lại số cho các loại biển báo, cột mốc trên đê	23
19.80.00	Tu sửa điểm canh đê	24
20.00.00	Công tác cải tạo mặt đê	24
20.10.00	Đào chân khay, đào rãnh thoát nước	24
20.20.00	Đắp đất lè đường đê cải tạo mặt đê	24
20.30.00	Rải cấp phối bằng đất đá hỗn hợp (đá cùn) hoặc đá thải cải tạo mặt đê, dốc đê	25
20.40.00	Công tác sửa chữa giếng giảm áp	26
20.41.00	Phá dỡ tường xây gạch giếng giảm áp	26
20.42.00	Xây lại thành giếng giảm áp bằng gạch chi	26
20.43.00	Trát tường giếng giảm áp	26
20.44.00	Nạo vét rãnh thoát nước - giếng giảm áp	27
20.45.00	Công tác làm lại tầng lọc mới giếng giảm áp	27
20.45.10	Nạo vét tầng lọc cũ giếng giảm áp	27
20.45.20	Làm lại tầng lọc mới giếng giảm áp	27
20.50.00	Công tác kiểm tra đánh giá chất lượng cống dưới đê	28
20.51.00	Đắp đê quai thượng, hạ lưu bằng tổ hợp máy	28
20.52.00	Đào phá bỏ đê quai thượng, hạ lưu bằng tổ hợp máy	28
20.60.00	Sửa chữa nhỏ cống dưới đê	29
20.61.00	Công tác xây móng cống dưới đê bằng đá học	29
20.62.00	Công tác xây tường cống dưới đê bằng đá học	29
20.63.00	Công tác xây tường trụ pin, tường cong nghiêng vắn vỏ đồ cống dưới đê bằng đá học	30
20.64.00	Công tác xây mố, trụ, cột, tường cánh cống dưới đê bằng đá học	30
20.65.00	Công tác xây mặt bằng, mái dốc cống dưới đê bằng đá học	30
20.66.00	Công tác xếp đá khan mặt bằng, mái dốc cống dưới đê bằng đá học	31
20.70.00	Công tác sản xuất, lắp dựng ván khuôn thép cho bê tông đúc sẵn lát mái đê	31
20.80.00	Công tác sản xuất, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn gỗ cho công tác đổ bê tông mố hạn chế xe quá tải đi trên đê	32
20.90.00	Lắp đặt biển báo hiệu kê cống, vỡ đê, biển giới hạn huyện xã	33
20.91.00	Sản xuất, lắp đặt biển báo hiệu kê cống, vỡ đê, biển giới hạn huyện xã biển phản quang	33
20.92.00	Sản xuất, lắp đặt biển báo hiệu kê cống, vỡ đê, biển giới hạn huyện xã biển bê tông cốt thép	34
20.93.00	Sản xuất, lắp đặt cột đỡ biển báo hiệu kê cống, vỡ đê, biển giới hạn huyện xã bằng bê tông cốt thép	35
	Mục lục	36-37